

Ngành Cơ Khí Chế Tạo (Cắt Gọt Kim Loại)

| STT        | TÊN HỌC PHẦN                            | TÍN CHỈ    |
|------------|-----------------------------------------|------------|
| <b>1 .</b> | <b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>     | <b>31</b>  |
| <b>1.1</b> | <b>Khoa học XH &amp; NV</b>             | <b>8</b>   |
|            | 1. Chính trị                            | 6          |
|            | 1. Pháp luật                            | 2          |
| <b>1.2</b> | <b>Ngoại ngữ</b>                        | <b>12</b>  |
|            | 1. Anh văn 1                            | <4>        |
|            | 1. Anh văn 2                            | <4>        |
|            | 1. Anh văn 3                            | 4          |
| <b>1.3</b> | <b>Khoa học tự nhiên</b>                | <b>7</b>   |
|            | 1. Nhập môn tin học (Tin học A)         | <5>        |
|            | 1. Auto Cad                             | <2>        |
| <b>1.4</b> | <b>Giáo dục thể chất</b>                | <b>2</b>   |
| <b>1.5</b> | <b>Giáo dục Quốc phòng</b>              | <b>2</b>   |
| <b>2 .</b> | <b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b> | <b>129</b> |
| <b>2.1</b> | <b>Kiến thức cơ sở</b>                  | <b>41</b>  |
|            | 1. Vẽ kỹ thuật 1                        | 5          |
|            | 1. Vẽ kỹ thuật 2 + BTL                  | 4          |
|            | 1. Cơ kỹ thuật                          | 5          |
|            | 1. Chi tiết máy                         | 5          |
|            | 1. Dung sai – Kỹ thuật đo               | 3          |
|            | 1. Vật liệu cơ khí                      | 3          |
|            | 1. Kỹ thuật điện                        | 3          |
|            | 1. An toàn lao động                     | 2          |
|            | 1. Quản trị doanh nghiệp                | 2          |
|            | 1. Khí nén thủy lực                     | 5          |
|            | 1. MĐ Hàn cơ bản                        | 1          |
|            | 1. MĐ Nguội cơ bản                      | 1          |
|            | 1. MĐ Nguội tháo lắp                    | 1          |
|            | 1. MĐ Điện cơ bản                       | 1          |

| STT                                                                          | TÊN HỌC PHẦN                                  | TÍN CHỈ   |
|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------|
| <b>2.2</b>                                                                   | <b><i>Kiến thức chung của ngành chính</i></b> | <b>85</b> |
|                                                                              | 1. Dao cắt                                    | 5         |
|                                                                              | 1. Máy cắt                                    | 5         |
|                                                                              | 1. Công nghệ chế tạo máy 1                    | 3         |
|                                                                              | 1. Công nghệ chế tạo máy 2                    | 5         |
|                                                                              | 1. Thiết kế quy trình gia công cơ             | 4         |
|                                                                              | 1. Đồ gá                                      | 4         |
|                                                                              | 1. MĐ Nhập nghề cắt gọt kim loại              | 2         |
|                                                                              | 1. MĐ Tiện cơ bản                             | 4         |
|                                                                              | 1. MĐ Phay bào cơ bản                         | 4         |
|                                                                              | 1. MĐ Tiện nâng cao                           | 4         |
|                                                                              | 1. MĐ Phay bào nâng cao                       | 4         |
|                                                                              | 1. MĐ Tiện ren tam giác                       | 4         |
|                                                                              | 1. MĐ Tiện ren vuông                          | 4         |
|                                                                              | 1. MĐ Tiện ren thang                          | 4         |
|                                                                              | 1. MĐ Phay sử dụng đầu chia                   | 4         |
|                                                                              | 1. MĐ Phay bánh răng                          | 4         |
|                                                                              | 1. MĐ Mài phẳng, tròn ngoài                   | 1         |
|                                                                              | 1. MĐ CNC (CK)                                | 4         |
|                                                                              | 1. MĐ EDM                                     | 1         |
|                                                                              | 1. MĐ TT sản xuất                             | 15        |
| <b>2.3</b>                                                                   | <b><i>Tốt nghiệp</i></b>                      | <b>3</b>  |
|                                                                              | 1. Lý thuyết nghề                             | 1         |
|                                                                              | 1. Thực hành nghề                             | 1         |
|                                                                              | 1. Chính trị                                  | 1         |
| <b>Tổng cộng toàn khóa có 156 tín chỉ (không kể các học phần 1.4 và 1.5)</b> |                                               |           |